

Bản án số: 54/2017/HNGĐ- ST

Ngày 25- 9- 2017

V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ- TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nơ

2. Bà Quách Thị Anh Thơ

-Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình: Bà Nguyễn Thị Thu Giang- Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 174/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 53/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn, Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Trần Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện xây dựng gia đình, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và về sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1989 tại thôn P, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc, hòa thuận đến tháng 01 năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T có thái độ hờn lảo với mẹ chồng, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị T không thay đổi. Tính tình vợ chồng không hợp nhau cãi chửi nhau và được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần. Từ tháng 11 năm 2016, anh và chị T đã sống ly thân với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho anh với chị Thủy.

Về con chung: anh và chị Thủy có ba con chung, tên là Nguyễn Văn Minh, sinh ngày 10/9/1990 và Nguyễn Thị Kim Anh, sinh ngày 23/02/1996 và Nguyễn Tiến Thành, sinh ngày 01/01/2005. Con chung Nguyễn Văn Minh và Nguyễn Thị Kim Anh đã thành niên (đủ 18 tuổi), tự lập được cuộc sống riêng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Thủy được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tiến Thành cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tiến Thành.

Về chia tài sản: anh Q không yêu cầu giải quyết;

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21-8-2017, Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Chị Trần Thị T trình bày: chị cơ bản thống nhất với lời trình bày của anh Q:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện xây dựng gia đình và về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay, nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn. Từ tháng 11 năm 2016 vợ chồng có mâu thuẫn nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Nay anh Q làm đơn khởi kiện ly hôn quan điểm của chị T là đoàn tụ gia đình.

Về con chung: chị T đồng ý để chị được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tiến Thành cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện nay anh không có điều kiện nuôi con.

Về chia tài sản: Chị và anh Q tự thỏa thuận giải quyết, Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 15; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Nguyễn Văn Q và Chị Trần Thị T; Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung Nguyễn Tiến Thành, sinh ngày 01/01/2005 cho Chị Trần Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không có nợ chung, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng*: Anh Nguyễn Văn Q có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với Chị Trần Thị T. Đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân gia đình” theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn: Từ năm 1989 đến nay, anh Q và chị Tchung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình sống chung, từ tháng 11 năm 2016, anh Q và chị Tthường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh Q có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Thủy. Như vậy, việc chung sống của anh Q và chị Tđã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình; mục đích chung sống giữa hai người không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú xác định anh Q và Thủy chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, nhưng không đăng ký kết với nhau. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh Q đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Q và chị T là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q và chị Tthỏa thuận chị Tđược quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tiến Thành sinh ngày 01/01/2005 cho đến khi thành niên (đủ 18

tuổi); anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của anh Q và chị T tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu Thành là muốn ở với mẹ, nên cần chấp nhận.

[4] *Về chia tài sản:* Anh Q và chị T tự thỏa thuận giải quyết.

[5] *Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đối với việc nuôi con chung sau ly hôn:* Anh Nguyễn Văn Q và Chị Trần Thị T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định tại Điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Nguyễn Văn Q.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Nguyễn Văn Q và Chị Trần Thị T

2. *Về con chung:* Chị Trần Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tiến Thành, sinh ngày 01/01/2005 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản:* anh Q và chị T tự thỏa thuận giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Tòa án anh Q đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004830, ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Anh Q đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo:* Anh Q, chị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25 tháng 9 năm 2017).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Huy Hoàng